TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH SƠN** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 8 năm 2019
"V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Khắc Chiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phước Khánh, ông Hà Đình Sở

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Đinh Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 75/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thị T - sinh năm: 1987

Địa chỉ: Khu 8, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ

(có mặt)

- *Bị đơn*: Anh Trần Trung K - sinh năm: 1979

Địa chỉ: Khu 8, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Trung K đăng ký kết hôn ngày 20/01/2014 tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự nguyện không bị ép buộc. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách hai bên không hợp nhau dẫn đến vợ

chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có con chung, ngoài ra anh K thường xuyên liên lạc với vợ cũ dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Mâu thuẫn vợ chồng có được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng đời sống chung vợ chồng không cải thiện được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2019 đến nay, thời gian này hai bên không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Trung K.

Về con chung: Vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Trung K đã được triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, nên không lấy được lời khai của anh K và không tiến hành hòa giải được vụ án.

- Tòa án xác minh tại nơi cư trú của anh Kiên, nội dung xác minh thể hiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Trần Trung K đăng ký kết hôn ngày 20/01/2014 tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, đời sống chung vợ chồng của anh K chị T không được hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh K đã có vợ và con nhưng đã ly hôn, sau khi kết hôn với chị T thì anh K thường xuyên liên lạc với vợ cũ dẫn đến hai bên xảy ra mâu thuẫn. Bản thân chị T trước khi kết hôn với anh K thì chị T đã có con riêng. Từ những nguyên nhân này dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên hiện nay vợ chồng đang sống ly thân.

Về con chung: Vợ chồng chị T không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Vợ chồng chị T không có.

Gia đình anh K và đại diện chính quyền địa phương nơi anh K cư trú có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án để tống đạt cho anh K. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, gia đình anh K đã thông báo cho anh K biết thời gian đến Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn để giải quyết việc chị T xin ly hôn, anh K nói không về và nhất trí chị T xin ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết chị T xin ly hôn anh. Do anh K vắng mặt nơi cư trú và không xác định được thời gian anh K về nhà nên Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký ghi biên bản phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi

biên bản phiên tòa và nguyên đơn dân sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, còn bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật về việc đến Tòa án làm việc.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc xin ly hôn anh K. Xử cho chị T được ly hôn anh K.

Con chung, tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét thấy bị đơn anh Trần Trung K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tòa án làm việc và vẫn vắng mặt phiên tòa lần hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh K là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Trần Trung K đăng ký kết hôn ngày 20/01/2014 tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ, khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K là hợp pháp. Xét thấy chị T và anh K sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn vợ chồng có được gia đình khuyên giải nhưng không cải thiện được, vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2019 đến nay, thời gian sống ly thân các bên không quan tâm đến nhau. Tòa án xác minh tại gia đình chị T và khu dân cư nơi anh K cư trú thì tình trạng hôn nhân hiện nay giữa chị T và anh K là phù hợp với trình bày của chị T. Nay chị T xác định tình cảm cảm vợ chồng thực sự không còn, đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh K. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh K là mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T xin ly hôn anh Kiên là có căn cứ nên xử cho chị T được ly hôn anh K.

[3] Về con chung: Xét thấy chị T và anh K không có con chung nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Xét thấy chị T trình bày không có, anh K vắng mặt phiên tòa nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn. Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị T phải chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị T về việc xin ly hôn anh Trần Trung K. Xử cho chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Trần Trung K.

3. Về con chung: Do chị T và anh K không có con chung nên không giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001676 ngày 24/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn (Xác nhận chị T đã nộp đủ 300.000đ).

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thanh Sơn;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Khắc Chiên